TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-ST
Ngày: 19- 11- 2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Lợi

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2018/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 110/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần KL

Địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

*Đại diện theo pháp luật***:** Bà Trần Tuấn A, sinh năm: 1976 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền***:** Ông Võ Duy B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần KL, chi nhánh BT (Theo văn bản ủy quyền số 726/QĐ-NHKL ngày 15/3/2017).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Nhật T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần KL, chi nhánh BT, phòng giao dịch BĐ (Theo Giấy ủy quyền số 205/UQ-CNBT ngày 22/6/2017 (Có mặt)

-*Bị đơn:*

1. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

2. Lê Thành N, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BT 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2017, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Nhật T trình bày:

Ngày 28/12/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần (Viết tắt TMCP) KL, chi nhánh BT, phòng giao dịch BĐ với vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Lê Thành N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301-4790, theo Hợp đồng các bên ký kết có thỏa thuận và cam kết như sau:

-Số tiền vay (Vốn gốc): 80.000.000 đồng

-Mục đích vay: Bù đắp phần vốn tự có của khách hàng đã sử dụng để sửa chữa nhà ở.

- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Ngày 29/12/2015)

- Lãi suất trong hạn: 13,23%/năm tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm biên độ 4,23%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành (Cùng loại hình và phương thức cho vay).

-Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Thời điểm trả hết nợ: 29/12/2018

- Phương thức trả nợ: Lãi tiền vay trả hàng tháng. Vốn gốc trả hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, còn lại kỳ cuối trả 10.000.000 đồng.

Bà T và ông N đã nhận tiền vay đầy đủ. Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay là quyền sử dụng đất diện tích 308.5 m^2 thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB949422 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp cho ông Lê Thành N ngày 28/5/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được các bên ký kết, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Từ lúc vay cho đến nay, bà T và ông N đã trả được số tiền vốn gốc là 61.000.000 đồng thì ngưng không trả đến nay. Ngân hàng có thông báo và làm việc với vợ chồng ông N, bà T nhưng bên vay không trả nợ. Do vợ chồng ông N, bà T đã vi phạm hợp đồng nên căn cứ vào các điều khoản các bên đã ký kết, Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn. Tại phiên Tòa hôm nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông N, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 19/11/2018 là 19.140.410 đồng.

Gồm:

-Nợ gốc 19.000.000 đồng

-Nợ lãi: 140.410đồng

+ Lãi trong hạn: 96.520 đồng

+ Lãi quá hạn: 43.890 đồng

+ Lãi phạt chậm trả: Không có.

và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/11/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301-4790 ngày 28/12/2015. Trường hợp ông N, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xử cho Ngân hàng được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 308.5 m^2 thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của ông N và bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có thu thập được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông bà đều vắng mặt. Căn cứ vào đơn xin xác nhận của Ngân hàng ngày 22/6/2017 thì Công an xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT xác nhận

ông N và bà T vẫn còn sinh sống tại địa phương. Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông N, bà T. Mặc khác, địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301-4790 ngày 28/12/2015 giữa Ngân hàng TMCP KL với ông N, bà T đúng với địa chỉ Ngân hàng ghi trong đơn khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N, bà T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL yêu cầu vợ chồng ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 19/11/2018 [Gồm nợ gốc 19.000.000 đồng, nợ lãi 140.410 đồng (Lãi trong hạn 96.520 đồng, lãi quá hạn 43.890 đồng] và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/11/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301-4790 ngày 28/12/2015 đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301- 4790 ngày 28/12/2015 giữa Ngân hàng TMCP KL, chi nhánh BT, phòng giao dịch BĐ với ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T thể hiện ông N, bà T có ký kết vay tiền ở Ngân hàng số tiền là 80.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, thời điểm trả hết nợ: 10/4/2019; mục đích vay: Bù đắp phần vốn tự có của khách hàng đã sử dụng để sửa chữa nhà ở; lãi suất: trong hạn: 13,23%/năm; quá hạn: 150% lãi suất cho vay; phương thức trả nợ: Vốn, lãi trả hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, còn lại kỳ cuối trả 10.000.000 đồng. Ông N và bà T đã nhận đầy đủ số tiền vay theo hợp đồng và đã trả được cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 61.000.000 đồng thì ngưng đến nay, vốn và lãi không trả.

Ngân hàng có gặp và thông báo cho ông N, bà T trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện trả số tiền nợ còn lại. Tính đến hết ngày 19/11/2018 ông N và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vay chưa trả là 19.140.410 đồng (gồm nợ gốc 19.000.000 đồng, nợ lãi 140.410 đồng). Mặc dù thời hạn vay: 36 tháng, chưa đến hạn trả nợ nhưng do ông N và bà T đã vi phạm hợp đồng nên căn cứ vào các điều khoản các bên đã ký kết, Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn, ông N và bà T là người ký kết vay tiền, nhận tiền, là vợ chồng, mục đích vay là sử dụng để sửa chữa nhà ở. Do đó, Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu ông N và bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ nêu trên cho Ngân hàng và yêu cầu ông N và bà T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/11/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 248/15/HĐTD/0301-4790 ngày 28/12/2015 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất 308.5 m^2 thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 đã được các bên ký kết để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của ông N và bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 giữa Ngân hàng với ông N và bà T ký kết đã được các bên thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng BĐ và hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện BĐ ngày 28/12/2015, hợp đồng thế chấp đã được ông N và bà T cùng ký kết. Căn cứ vào Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323 Bộ luật dân sự thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 giữa Ngân hàng TMCP KL với ông N và bà T đối với thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại

ấp 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/12/2015.

Theo nội dung của Hợp đồng thế chấp số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 thì tại Điều 10 xử lý tài sản thế chấp có nêu: "……Bên vay không trả đầy đủ, đúng hạn bất kỳ các khoản phải trả đến hạn theo quy định……." thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT theo Hợp đồng thế chấp số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 để thu hồi nợ vay là hoàn toàn có căn cứ, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông N và bà T phải chịu theo luật định là: 19.140.410 đồng x 5% = 957.000 đồng (Chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL đối với ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền nợ tính đến hết ngày 19/11/2018 là 19.140.410 đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm mười đồng) (Gồm nợ gốc 19.000.000 đồng, nợ lãi 140.410 đồng).

Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 20/11/2018 cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL cho đến khi hoàn tất số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết số 248/15/HĐTD/0301-4790 ngày 28/12/2015.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 248/15/HĐTC-BĐS/0301-4790 ngày 28/12/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 957.000 đồng (Chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL 1.733.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006393 ngày 25/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

……-…… **Nguyễn Hồng Phương**